TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2024
Về việc: "Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Nhật Tân

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Tô Tấn Cường– Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2023, về việc: "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2023/ QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Mai Thị Tuyết S, sinh năm 1970, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Bùi Văn T1, sinh năm 1968, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Mai Thị Tuyết S trình bày: Giữa chị với Bùi Văn Tạ tự tìm hiểu thời gian và kết hôn năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, số 48, ngày 02-12-1990. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng có những bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T1 thường xuyên uống rượu về đánh đập, ghen tuông, chửi bới xúc phạm chị nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng chị xảy ra nhiều lần nhưng chị

không báo chính quyền hòa giải, các con chị đã lớn cũng không có ý kiến gì mà nói nếu ba mẹ không sống được thì ly hôn. Nay chị không chịu đựng nữa nên yêu cầu ly hôn với anh T1. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Bùi Thị Ngọc S1, sinh ngày 03/8/1993, Bùi Công Q, sinh ngày 27/02/2002, hiện các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: vợ chồng chị có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị S không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Bùi Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị S ly hôn với anh T1. Về quan hệ nuôi con chung chị S, anh T1 có 02 con chung tên là Bùi Thị Ngọc S1, sinh ngày 03/8/1993, Bùi Công Q, sinh ngày 27/02/2002, hiện các con đã trưởng thành đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị S khai có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị Tuyết S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là Bùi Văn T1 cư trú tại Thôn Đ, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Tuyết S thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Mai Thị Tuyết S và anh Bùi Văn T1 tự tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02-12-1990 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị S và anh T1 là hợp pháp. Theo chị Sương khai trong thời gian sống chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên đánh đập, chửi mắng ghen tuông, nhiều lần làm tổn thương tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn anh T1. Đối

với anh T1 đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa, cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của chị S. Qua xác minh thì thấy rằng tình trạng mâu thuẫn giữa chị S và anh T1 địa phương không nắm bắt, nhưng theo lời khai chi Sương mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh T1 thường xuyên dùng lời nói xúc phạm,dùng bạo lực đánh đập chị S. Mặc khác anh T1 không đến Tòa xem như anh không mong muốn vun đắp cuộc hôn nhân. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của chị S xin ly hôn anh T1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị Mai Thị Tuyết S và anh Bùi Văn T1 có 02 con chung tên là Bùi Thị Ngọc S1, sinh ngày 03/8/1993, Bùi Công Q, sinh ngày 27/02/2002, hiện các con đã trưởng thành ,chị S không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Khoàn 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 277 BLTTDS; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mai Thị Tuyết S ly hôn anh Bùi Văn T1.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Chị Mai Thị Tuyết S và anh Bùi Văn T1 có 02 con chung tên là Bùi Thị Ngọc S1, sinh ngày 03/8/1993, Bùi Công Q, sinh ngày 27/02/2002, hiện các con đã trưởng thành, nên Tòa không xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc Mai Thị Tuyết S phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước.Tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004285, ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25-01-2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
-UBND xã Ph
(48, ngày 02/12/1990)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa**

Trần Thị Bích Thủy